

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2018.
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thị Nhung và ông Lò Văn Pọm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2018/TLST-HN&GD ngày 09 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lường Thị T**; sinh năm: 1993.

- Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* Bị đơn: **Anh Điều Chính X**; sinh năm: 1987.

- Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01 tháng 5 năm 2018, bản tự khai tại Tòa án, phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Điều Chính X yêu thương và tìm hiểu nhau; đến ngày 06/11/2013 đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chị T và anh X kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung kể từ khi kết hôn với nhau hạnh phúc được 04 năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T cho rằng anh X hay đi đánh bạc, uống rượu, còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đã nhiều lần khuyên can, nhưng anh X

không thay đổi. Đến nay chị T không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Điều Chính X.

Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Điều Chính X có 01 người con chung là: Điều Nhật H; sinh ngày 09/12/2013. Hiện tại cháu đang ở với chị T, tại bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu H cho đến khi trưởng thành. Chị Lương Thị T không đề nghị anh Điều Chính X phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Kể từ khi kết hôn không tạo lập được tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Về phần kết hôn anh X nhất trí như chị Lương Thị T trình bày. Hai anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Từ khi sống chung anh chị hạnh phúc đến 04 năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị Lương Thị T có ngoại tình với một người đàn ông khác. Vì chị T đi ngoại tình nên đã dẫn đến vợ chồng xích mích, đến nay anh X cũng không thể chung sống với chị T, nên anh X cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Điều Chính X và chị Lương Thị T có 01 người con chung là: Điều Nhật H; sinh ngày 09/12/2013. Hiện tại đang sống với mẹ đẻ của cháu H tại bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi ly hôn anh X cũng đề nghị được nuôi con chung; anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý: Về thủ tục tố tụng: Không có kiến nghị về vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm. Về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” giữa nguyên đơn chị Lương Thị T và anh Điều Chính X. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy giữa hai anh chị không còn tình cảm, không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân vì vậy đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Điều Chính X. Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Điều Nhật H; sinh ngày 09/12/2013 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; vì xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của chị T, anh X; anh X không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét; nợ chung: Không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Lương Thị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung của chị Lường Thị Thiên và anh Điều Chính X thì được xác định là vụ án Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lường Thị T nộp đơn khởi kiện ly hôn, anh Điều Chính X có nơi cư trú tại bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết và xác minh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Điều Chính X, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh X. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Điều Chính X kết hôn với nhau ngày 06/11/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lường Thị T và anh Điều Chính X là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do không thể tiếp tục chung sống, nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Điều Chính X.

[2.2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị Lường Thị T và anh Điều Chính X đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên xét về điều kiện, hoàn cảnh; cũng như trong quá trình xác minh quá trình nuôi dưỡng cháu H thì thấy: Hiện tại cháu H tuổi còn nhỏ, chưa tự chăm sóc cho bản thân nên mọi sinh hoạt đều phụ thuộc vào sự chăm sóc của chị T. Trong quá trình trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị T cũng vẫn đảm bảo cho cháu được học tập, vui chơi như những đứa trẻ cùng trang lứa. Kể từ khi sống ly thân mọi chi phí sinh hoạt và học tập đều do chị T chi trả, chỉ vài lần anh X hỗ trợ nhưng không đáng kể. Do đó, để đảm bảo

cho cháu H có cuộc sống ổn định, tạo điều kiện cho cháu H phát triển về cả thể chất lẫn tinh thần một cách tốt nhất; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lương Thị T.

[3.2] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lương Thị T phải chịu án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Điều Chính X.

3. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Điều Nhật H; sinh ngày 09/12/2013 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động; anh Điều Chính X chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Điều Chính X có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Điều Chính X thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2010/05558 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi án dân sự huyện Tuần Giáo, chị Lương Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/10/2018); anh Điều Chính X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Mường Thín;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga